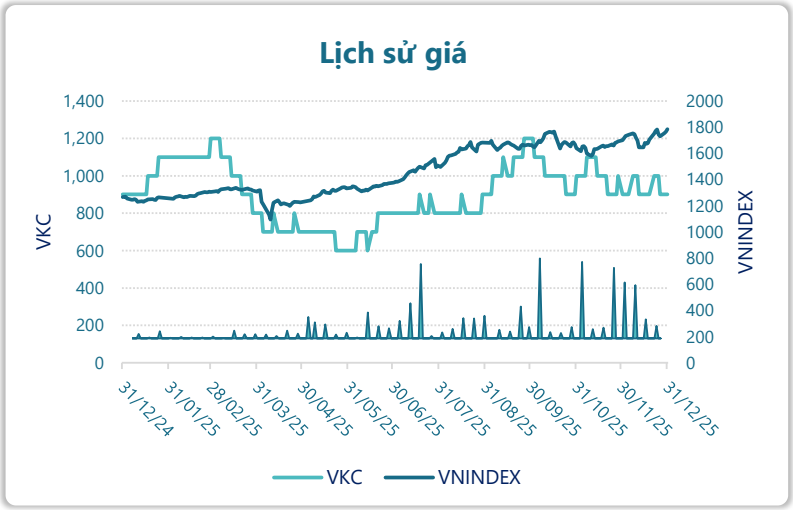
FireAnt

CTCP VKC Holdings (UPCOM: VKC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	600
SL cổ phiếu LH	19,279,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,315
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17
P/E	-0.3
EPS	-2,844

DT thuần

Q4/25

6.80

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.83| -21.2%

YoY: ▼0.53| -7.2%

LN sau thuế

Q4/25

-12.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.50| 11.1%

YoY: ▲ 10.1| 45.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-76.7%

+/- YoY: ▲ 371%

DT thuần

2025

26.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.10| 4.5%

LN sau thuế

2025

-54.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 104| 65.3%

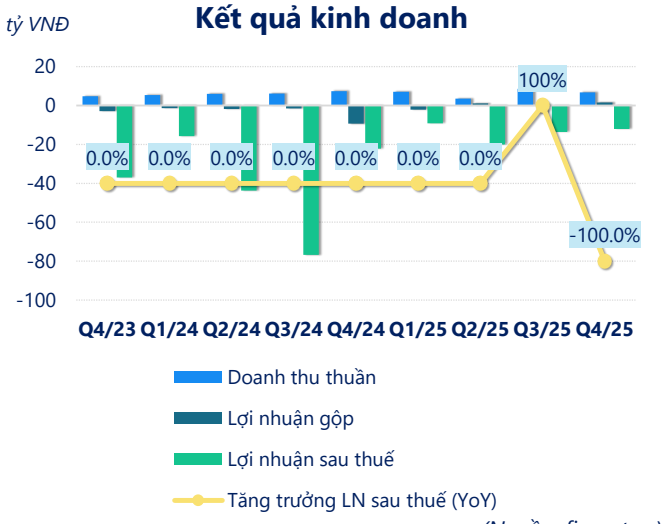
ROE

2025

20.4%

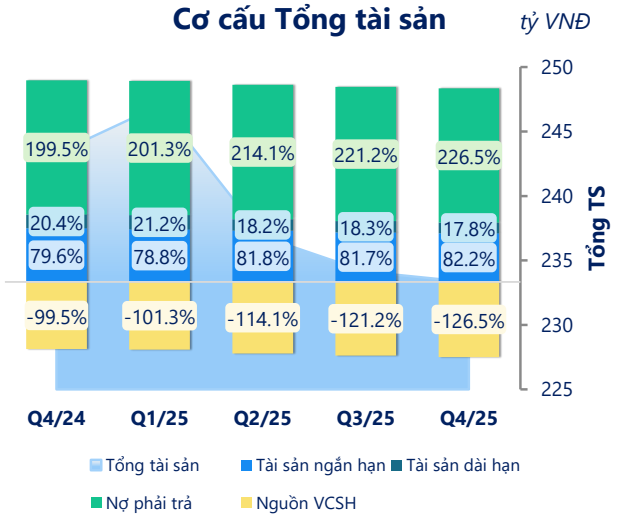
+/- YoY: ▼ 76.9%

Kết quả kinh doanh



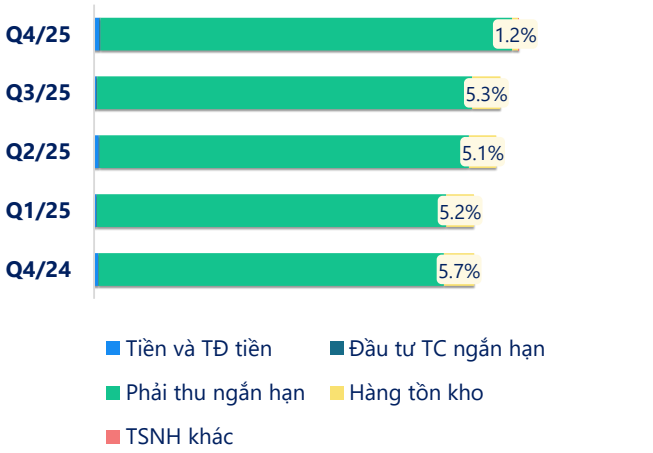
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



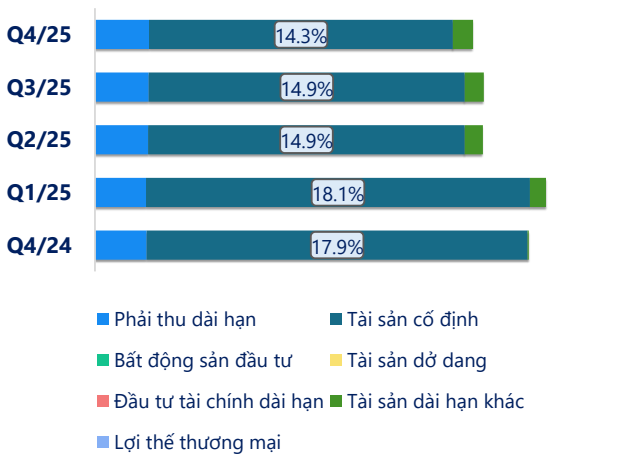
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



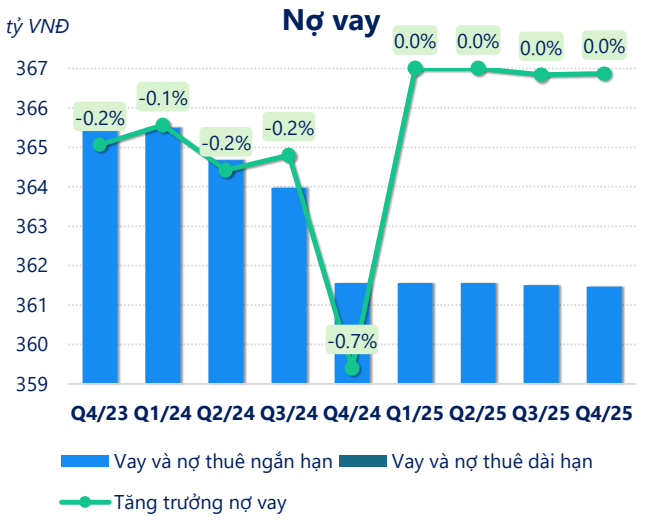
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



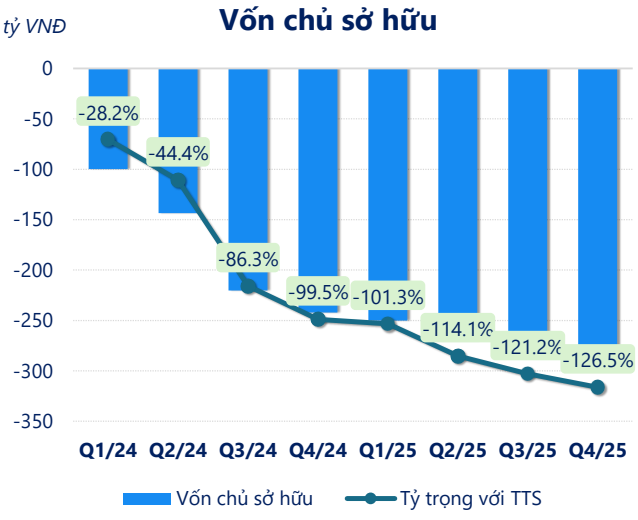
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



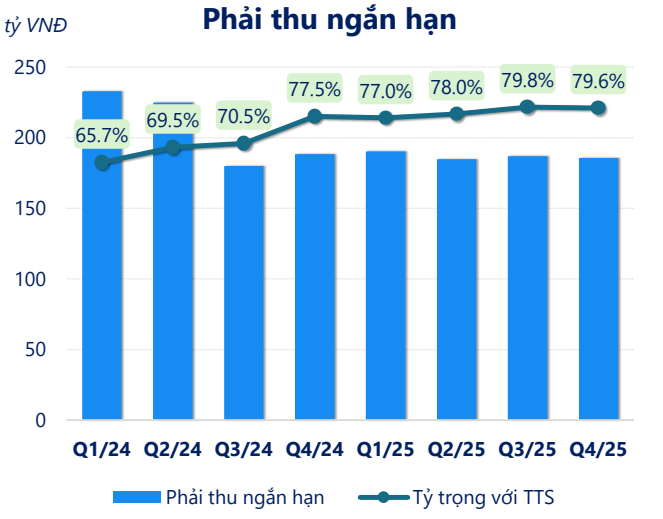
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



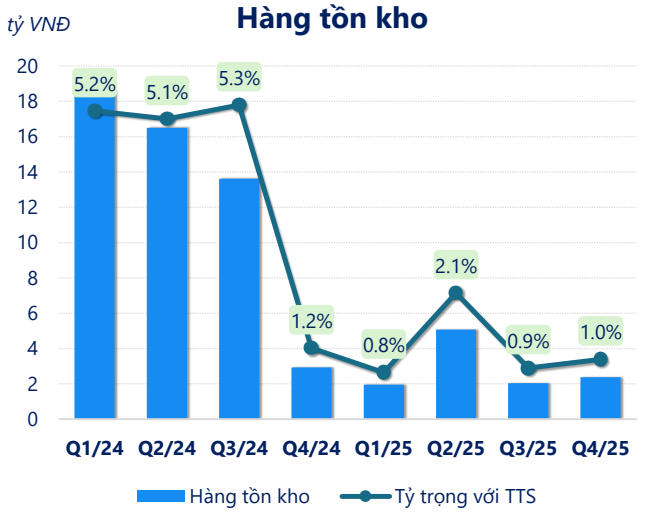
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



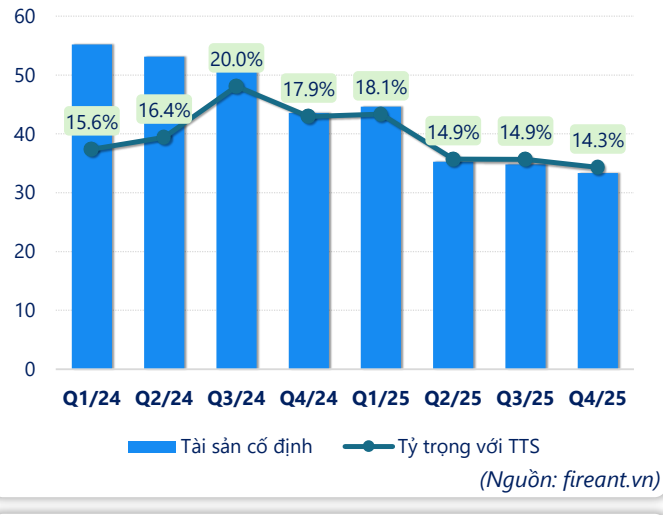
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



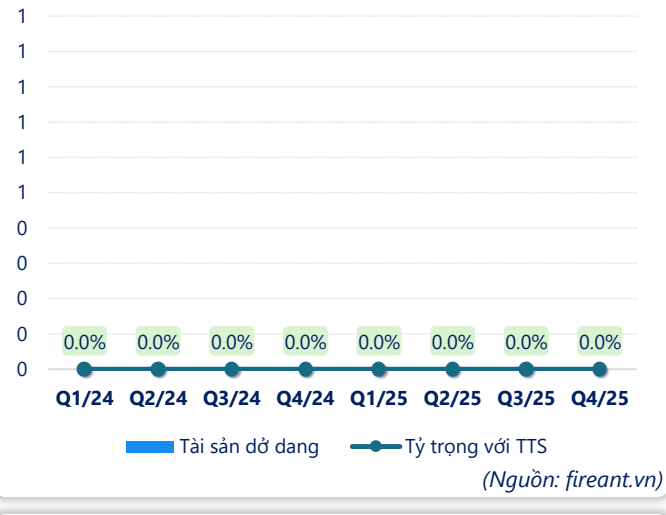
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



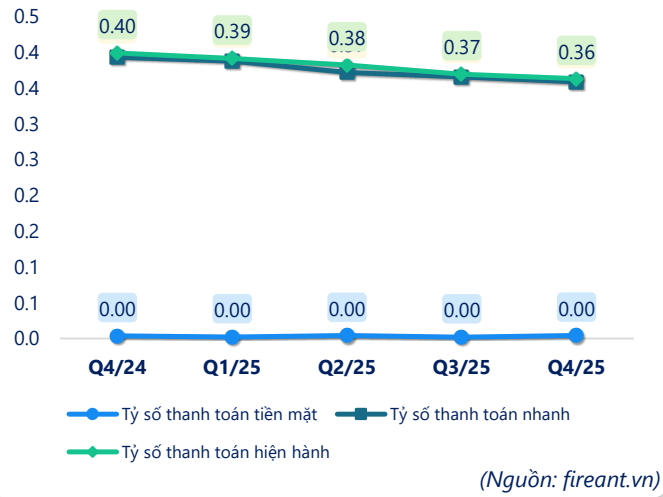
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



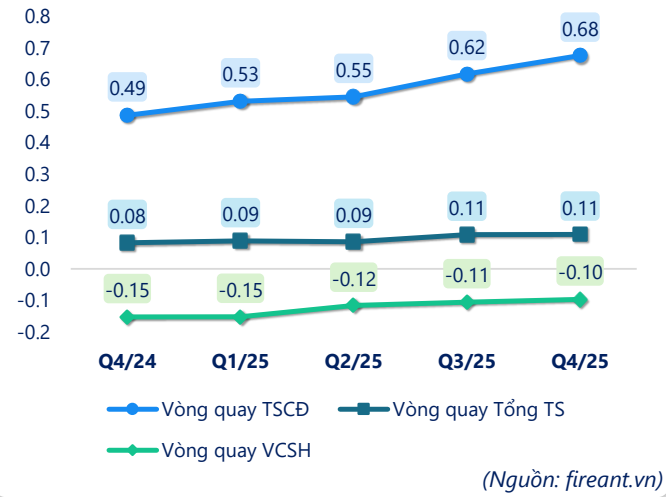
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**243**	**247**	**237**	**234**	**233**
Tài sản ngắn hạn	**194**	**195**	**194**	**191**	**192**
Tiền và tương đương tiền	1.77	0.98	2.01	0.95	2.25
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.51	0.51	0.51	0.51	0.51
Phải thu ngắn hạn	188	190	185	187	186
Hàng tồn kho	2.94	1.96	5.08	2.03	2.37
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.89	1.24	1.02	1.02
Tài sản dài hạn	**49.6**	**52.4**	**43.2**	**42.8**	**41.5**
Phải thu dài hạn	5.92	5.92	5.92	5.92	5.92
Tài sản cố định	43.6	44.6	35.3	34.8	33.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.14	1.86	2.01	2.10	2.19
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**485**	**497**	**507**	**518**	**529**
Nợ ngắn hạn	**485**	**497**	**507**	**518**	**528**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	362	362	362	362	361
Phải trả người bán ngắn hạn	7.42	8.76	7.52	7.82	7.56
Nợ dài hạn	0	0	0.12	0.12	0.12
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-242**	**-250**	**-270**	**-284**	**-295**
Vốn chủ sở hữu	**-242**	**-250**	**-270**	**-284**	**-295**
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)